

Số: 23 /2024/NQ-HĐND

Ninh Thuận, ngày 12 tháng 11 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí
thẩm định hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN
KHÓA XI KỲ HỌP THỨ 21**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và
Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;
Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15,
Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và
Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;
Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính
phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;
Căn cứ Nghị định số 82/2023/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2023 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày
23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một
số điều của Luật Phí và lệ phí;
Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính
phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản
quy phạm pháp luật năm 2015;
Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của
Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP
ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện
pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;
Căn cứ Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2024 của Chính
phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5
năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật
Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi bổ sung một số điều theo
Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Xét Tờ trình số 148/TTr-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

2. Đối tượng áp dụng

a) Cơ quan thu phí:

- Sở Tài nguyên và Môi trường.
- Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện.
- Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh và Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai các huyện, thành phố.

Cơ quan thu phí tổ chức thu phí thẩm định hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thủ tục thuộc thẩm quyền giải quyết theo quy định.

b) Đối tượng nộp phí: Các tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký để cơ quan có thẩm quyền thực hiện công việc thẩm định hồ sơ, các điều kiện cần và đủ đảm bảo việc thực hiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất (bao gồm cấp lần đầu, cấp mới, cấp đổi, cấp lại giấy chứng nhận và chứng nhận biến động vào giấy chứng nhận đã cấp) theo quy định của pháp luật.

c) Đối tượng được giảm phí: Giảm 50% mức thu phí theo quy định đối với các đối tượng là: hộ nghèo, người có công với cách mạng, đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã, thôn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

d) Đối tượng miễn phí: Miễn thu phí do đăng ký biến động đất đai trong các trường hợp sau:

- Nhà nước thu hồi đất do vi phạm pháp luật về đất đai, Nhà nước thu hồi đất do chấm dứt việc sử dụng đất theo pháp luật, tự nguyện trả lại đất, có nguy cơ đe dọa tính mạng con người.

- Thay đổi tên đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới hành chính theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; thay đổi diện tích do sạt lở tự nhiên một phần thửa đất; người sử dụng đất tặng cho quyền sử dụng đất để xây dựng công trình công cộng; người sử dụng đất thay đổi từ chứng minh nhân dân thành căn cước công dân hoặc căn cước theo quy định; đính chính sai sót do lỗi của cơ quan nhà nước.

Điều 2. Mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí

1. Mức thu phí

STT	Nội dung	Mức thu (đồng/hồ sơ)		
		Đối với đất	Đối với tài sản gắn liền với đất	Đối với đất và tài sản gắn liền với đất
I.	Đối với cá nhân			
1.	Đăng ký cấp Giấy chứng nhận lần đầu	260.000	379.000	493.000
2.	Đăng ký cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận	226.000	260.000	338.000
3.	Cấp mới Giấy chứng nhận hoặc chứng nhận biến động vào Giấy chứng nhận đã cấp	282.000	380.000	465.000
II.	Đối với tổ chức			
1.	Đăng ký cấp Giấy chứng nhận lần đầu	895.000	895.000	1.164.000
2.	Đăng ký cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận	494.000	494.000	642.000
3.	Cấp mới Giấy chứng nhận hoặc chứng nhận biến động vào Giấy chứng nhận đã cấp	840.000	840.000	1.092.000

2. Tỷ lệ để lại, việc quản lý và sử dụng phí

a) Tỷ lệ để lại:

- Cơ quan thu phí là Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện nộp 100% số phí thu được vào ngân sách nhà nước.

- Cơ quan thu phí là Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh và Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai các huyện, thành phố được giữ lại 95% số tiền phí thu

được để trang trải chi phí cần thiết cho thực hiện công việc và thu phí theo chế độ quy định; 5% còn lại kê khai và nộp đầy đủ, kịp thời vào ngân sách nhà nước.

b) Việc quản lý và sử dụng phí: Thực hiện theo quy định của Điều 12 Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015; Điều 3, Điều 4, khoản 2, khoản 4 và khoản 5 Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí; khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 1 Nghị định số 82/2023/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ nhiệm vụ, quyền hạn triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận Khoá XI Kỳ họp thứ 21 thông qua ngày 12 tháng 11 năm 2024 và có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 11 năm 2024; thay thế Nghị quyết số 15/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban Công tác Đại biểu – UBTVQH;
- Văn phòng: Quốc hội, Chính Phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh; Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa XI;
- Các Sở, Ban, ngành và đoàn thể tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, TP;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Trang thông tin điện tử HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, Phòng công tác HĐND.

CHỦ TỊCH



Phạm Văn Hậu